

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ K  
TỈNH K**

Bản án số: 91/2022/HS-ST.

Ngày: 21/9/2022.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM - TỈNH KONTUM**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Hoài.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Tiền và bà Mai Thị Kim Dung.

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa:** Bà Phạm Thị Thuý An – Thư ký  
Tòa án nhân dân thành phố K.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa:** Ông  
Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân thành phố K,  
tỉnh K mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:  
72/2022/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

**Trần Tuấn D**, sinh ngày 02 tháng 8 năm 1983, tại tỉnh Bình Định; Trú tại:  
Hẻm 165 (số mới 553/57) H, thành phố K, tỉnh K; Nghề nghiệp: Thợ làm biển  
quảng cáo; Trình độ học vấn 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:  
Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông (Không xác định được cha) và bà Nguyễn  
Thị H, sinh năm 1967; gia đình có 4 anh em, bị cáo là con đầu; có vợ Nguyễn Thị  
Thuý D, sinh năm 1986 (đã ly hôn năm 2022) và hai con sinh năm 2010 và năm  
2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 27/10/2003, bị Tòa án nhân dân thị xã K (nay là Tòa án nhân dân  
thành phố K) xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” (đã được xóa án  
tích).

Ngày 10/10/2005, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xử phạt 15  
tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đã được xóa án tích).

Bị bắt tạm giữ từ ngày 07/6/2022 đến ngày 10/6/2022 được thay đổi biện  
pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt.

- **Bị hại:** Chị Đặng Thị H, sinh Th

Địa chỉ: Tổ 42, phường Th, quận Th, thành phố Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 11/01/2013, bị cáo Trần Tuấn D đến quán Trúc Lâm, tại 231 Ph, phường Q, thành phố K gặp Đặng Thị H mượn xe mô tô Biển kiểm soát (BKS) 82H1-019.19, nhãn hiệu Yamaha sirius màu đỏ đen đi công việc. Trong quá trình sử dụng thấy bên trong cốp xe của H có 01 giấy đăng ký xe, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM, 01 thẻ sinh viên, đều mang tên Đặng Thị H và 01 thẻ ATM mang tên Trần Đại Ng. Do đang cần tiền nên D đem xe mô tô cầm cố tại một tiệm cầm đồ (không nhớ tên tiệm) gần khu vực trường THPT Duy Tân với số tiền 8.000.000 đồng. Sau khi cầm đồ, bị cáo không có tiền chuộc lại xe và nghe tin chị H làm đơn trình báo Công an, nên D đã bỏ trốn khỏi địa pH. Khi biết mình bị truy nã và được gia đình động viên, nên ngày 07/6/2022 D đã ra đầu thú và tự nguyện giao nộp số tiền 12.000.000 đồng tra cho chị H để khắc phục hậu quả.

Tại Kết luận định tài sản, kết luận: Giá trị xe mô tô BKS 82H1-019.19 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 15.600.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 77/CT-VKSTPKT ngày 29/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo D về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (*Sau đây viết tắt BLHS 1999*). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của BLHS 1999; điểm b khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị Quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**Về tố tụng:** Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS; bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

### **Về nội dung:**

[1] Giữa bị cáo Trần Tuấn D và chị Đặng Thị H có mối quan hệ quen biết, nên khoảng 09 giờ 00 phút ngày 11/01/2013, tại quán Trúc Lâm 231 Ph, phường

Q, thành phố K bị cáo D mượn xe mô tô BKS 82H1-019.19 của chị H đi công việc. Sau khi thực hiện công việc và do không có tiền, D đã đem xe mô tô cầm cố tại tiệm cầm đồ trên đường Duy Tân lấy số tiền 8.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Do không có khả năng chuộc xe và nghe tin chị H trình báo Công an, D bỏ trốn khỏi địa phương nhằm trốn tránh trách nhiệm trả lại xe cho chị H. Giá trị của xe mô tô tại thời điểm chiếm đoạt là 15.600.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999. Thời điểm bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội thì Bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành; và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 thấp hơn hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 175 BLHS 2015. Do đó Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 BLHS 1999 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo D là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn thành phố K.

**[2] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo ra đầu thú, là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

*Nhân thân:* Bị cáo đã 02 lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” vào các năm 2003 và 2005.

**[3] Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội; xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.** Cần thiết phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh, cách ly bị cáo với xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

*Về áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội:* Theo quy định tại Nghị Quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự 2015 về áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mức hình phạt tù quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (từ **06** tháng đến **03** năm tù) là cao hơn mức hình phạt tù quy định tại khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2003 (từ **03** tháng đến **03** năm tù), do đó Hội đồng xét xử sẽ áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

**[4] Các vấn đề khác:**

- *Về xử lý vật chứng:* Cơ quan CSĐT Công an thành phố K đã truy tìm vật chứng là xe mô tô và các giấy tờ, nhưng không thu giữ được nên không xem xét.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại đã nhận bồi thường và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

- *Về án phí:* Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

### 1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo **Trần Tuấn D** phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

### 2. Hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017) điểm b khoản 1 và điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị Quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Trần Tuấn D: 07** (bảy) tháng tù, được trừ thời gian bị bắt tạm giữ từ ngày 07/6/2022 đến ngày 10/6/2022. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

**3. Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Tuấn D phải chịu **200.000** (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Quyền kháng cáo:** Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/9/2022). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày được tổng đạt hợp lện Bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

### Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đ;
- TAND tỉnh K;
- VKSND tp. K;
- Công an tp. K;
- Chi cục THADS tp. K;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Xuân Hoài**